

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2023/DS-PT

Ngày: 21-3-2023

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Bà Trần Thị Kim Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 543/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 326/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 536/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1979;

2. Bà Võ Thị Xuân V, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của L, bà V: Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1997 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên hệ: 79 ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973 (có mặt);

2. Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh L và bà Võ Thị Xuân V trình bày:

Ngày 18/10/2021 ông L, bà V có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Thị T2 vay số tiền 392.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng, có làm biên nhận nợ.

Hết thời hạn ông T1, bà T2 không trả vốn gốc và lãi mặc dù đã nhiều lần đòi. Nay ông L, bà V khởi kiện yêu cầu ông T1, bà T2 trả số tiền 392.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, lãi suất tính 1,66%/tháng kể từ ngày 19/11/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị T2 trình bày:

Ông bà thừa nhận chữ ký tên trong biên nhận nợ ngày 18/10/2021 là của ông bà. Số tiền 392.000.000 đồng thể hiện trong biên nhận bao gồm 312.000.000 đồng tiền gốc và 80.000.000 đồng tiền lãi phát sinh trước đó ông bà chưa trả nên cộng dồn vào. Nay hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả vốn gốc 312.000.000 đồng, không phải trả tiền lãi 80.000.000 đồng đã bao gồm trong biên nhận và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/11/2021 đến ngày Tòa án xét xử mà nguyên đơn yêu cầu. Xin trả nợ dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 326/2022/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L, bà Võ Thị Xuân V. Buộc ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Thị T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L, bà V số tiền 421.282.000 đồng (*Bốn trăm hai mươi một triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*), (*Trong đó, vốn gốc là 392.000.000 đồng và tiền lãi là 29.282.000 đồng*) trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 05/9/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Ngô Thị T2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông bà đồng ý trả cho ông L và bà V số tiền 412.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bị đơn bà Ngô Thị T2, ông Nguyễn Văn T1 vẫn giữ nguyên yêu kháng cáo và trình bày: Ông bà chỉ nợ ông L, bà V số tiền 312.000.000 đồng, biên nhận ngày 18/10/2021 ghi vợ chồng bà nợ 392.000.000 đồng là có 80.000.000 đồng tiền lãi. Hiện hoàn cảnh kinh tế gia đình ông bà rất khó khăn không có khả năng trả một lần số tiền nợ 392.000.000 đồng nên xin trả số nợ gốc 312.000.000 đồng và trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ngô Thị T2, ông Nguyễn Văn T1 là không có cơ sở vì yêu cầu trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng không được phía nguyên đơn đồng ý và cũng không phù hợp quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà T2, ông T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị T2, ông Nguyễn Văn T1 thực hiện đúng quy định theo Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng quy định Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định; Từ năm 2020 ông Nguyễn Văn T1, bà Ngô Thị T2 có vay tiền nhiều lần của ông L, bà V. Đến ngày 18/10/2021 ông Nguyễn Thanh L, bà Võ Thị Xuân V tổng kết nợ bà Ngô Thị T2, ông Nguyễn Văn T1 vay tổng số tiền 392.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 2%/tháng, thời hạn vay 01 tháng, ông T1, bà T2 ký tên xác nhận số tiền vay nợ. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là giấy biên nhận nợ ngày 18/10/2021 có chữ ký của bà T2 và ông T1. Do đó, án sơ thẩm xác định giữa ông Nguyễn Thanh L, bà Võ Thị Xuân V và bà Ngô Thị T2, ông Nguyễn Văn T1 xác lập hợp đồng vay tài sản, theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Theo thỏa thuận thì bà Ngô Thị T2, ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ sau 01 tháng, hết thời hạn bà T2, ông T1 không thực hiện việc trả vốn và lãi, mặc dù phía ông L, bà V đã nhiều lần đòi. Do đó, bà T2, ông T1 đã vi phạm

nghĩa vụ trả tiền đối với ông L, bà V nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T2, ông T1 trả số tiền nợ 392.000.000 đồng và tiền lãi là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1, bà T2 cung cấp các biên nhận nợ vay trước đây để chứng minh cho việc trong tổng số tiền 392.000.000 đồng có 80.000.000 đồng tiền lãi và xin không phải trả số tiền này do hoàn cảnh khó khăn. Xét thấy các biên nhận bị đơn cung cấp cũng không chứng minh được trong tổng số tiền 392.000.000 đồng có 80.000.000 đồng tiền lãi và trong biên nhận ngày 18/10/2021 cũng không có thể hiện. Do đó, không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà T2, ông T1 xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ là không có cơ sở vì yêu cầu xin trả dần của bà T2, ông T1 nhằm kéo dài thời gian trả nợ, chiếm dụng đồng vốn của ông L, bà V làm ảnh hưởng quyền lợi của ông L, bà V. Đồng thời, yêu cầu xin trả dần của bà T2, ông T1 không được nguyên đơn đồng ý và không phù hợp pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T2, ông T1.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bà T2, ông T1 là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót về việc tuyên hoàn lại cho ông L, bà V không đúng số tiền 10.100.000 đồng theo biên lai số 0005411 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C mà ông L và bà V đã tạm nộp, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần điều chỉnh lại cho đúng.

Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị đơn ông T1 và bà T2 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị T2, ông Nguyễn Văn T1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 326/2022/DS-ST ngày 22/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L, bà Võ Thị Xuân V.

Buộc bà Ngô Thị T2 và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh L, bà Võ Thị Xuân V số tiền vốn 392.000.000 đồng và

29.282.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 421.282.000 đồng. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện theo nội dung quyết định này, thì hàng tháng còn phải trả lãi phát sinh tính trên số tiền và thời gian chậm thi hành án, với mức lãi suất tính theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Ngô Thị T2, ông Nguyễn Văn T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025053 và biên lai số 0025054 cùng ngày 05/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Ngô Thị T2 và ông Nguyễn Văn T1 liên đới chịu 20.851.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại ông Nguyễn Thanh L, bà Võ Thị Xuân V tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.100.000 đồng theo biên lai thu số 0005411 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp Thúy